|  |  |
| --- | --- |
| CHÍNH PHỦSố: /2025/ NĐ-CPDỰ THẢO 2 | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúcHà Nội, ngày tháng năm 2025  |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Về hoạt động viễn thám**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Chính phủ ban hành Nghị định về hoạt động viễn thám.*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về quản lý hoạt động viễn thám trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động viễn thám trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Viễn thám là khoa học và công nghệ thu nhận, phân tích thông tin về các đối tượng hoặc hiện tượng trên Trái Đất và khí quyển mà không tiếp xúc trực tiếp với chúng, thông qua việc đo tín hiệu phản xạ hoặc phát xạ từ xa thu nhận được bằng cảm biến viễn thám trên vệ tinh.

2. Hoạt động viễn thám là các hoạt động có liên quan đến xây dựng, vận hành hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám, cơ sở dữ liệu viễn thám; thu nhận, lưu trữ, xử lý, cung cấp, khai thác thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám; nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế về viễn thám.

3. Xử lý dữ liệu viễn thám là hoạt động hiệu chỉnh, phân tích, chiết xuất dữ liệu và ứng dụng viễn thám tạo ra các sản phẩm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh.

4. Hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám bao gồm vệ tinh viễn thám, công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám.

5. Công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám bao gồm trạm thu dữ liệu viễn thám, trạm điều khiển vệ tinh viễn thám.

6. Tín hiệu viễn thám là thông tin được thu nhận trực tiếp từ cảm biến viễn thám.

7. Dữ liệu viễn thám là tín hiệu viễn thám được xử lý loại bỏ sai số của cảm biến viễn thám và được đánh giá, kiểm định chất lượng tạo ra dữ liệu ảnh viễn thám, dữ liệu dạng số viễn thám.

8. Dữ liệu viễn thám độ phân giải cao là dữ liệu có độ phân giải mặt đất từ 1 m đến nhỏ hơn 10 m.

9. Dữ liệu viễn thám độ phân giải siêu cao là dữ liệu có độ phân giải mặt đất nhỏ hơn 1 m.

10. Sản phẩm viễn thám là dữ liệu viễn thám đã được xử lý ở các mức khác nhau, khóa giải đoán, mẫu phổ và điểm tham chiếu viễn thám.

11. Siêu dữ liệu viễn thám là các thông tin mô tả về dữ liệu, sản phẩm viễn thám.

12. Cơ sở dữ liệu viễn thám là tập hợp thông tin, dữ liệu, sản phẩm và siêu dữ liệu viễn thám được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử.

**Điều 4. Nguyên tắc trong hoạt động viễn thám**

1. Hoạt động viễn thám bảo đảm khai thác tối đa tiềm năng công nghệ viễn thám trong thu thập thông tin Trái Đất và khí quyển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

2. Dữ liệu viễn thám phải được thu nhận thường xuyên, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

3. Cơ sở dữ liệu viễn thám phải được duy trì, vận hành và cập nhật thường xuyên, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia; tuân thủ các quy định của pháp luật về tích hợp, chia sẻ dữ liệu và an toàn thông tin mạng.

4. Hạ tầng lưu trữ, xử lý, tính toán thông tin, dữ liệu viễn thám phải hướng tới tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn xanh làm nền tảng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chiết xuất thông tin về Trái Đất và khí quyển.

5. Không dùng nguồn vốn ngân sách nhà nước để mua dữ liệu viễn thám của nước ngoài nếu các loại dữ liệu này có thuộc tính kỹ thuật tương đương với dữ liệu thu được tại trạm thu dữ liệu viễn thám của Việt Nam hoặc đã có trong cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.

6. Ngân sách trung ương bảo đảm cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về viễn thám; xây dựng và vận hành hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám; thu nhận, lưu trữ, xử lý, cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám; xây dựng cơ sở dữ liệu viễn thám.

7. Ngân sách địa phương bảo đảm cho Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về viễn thám; thu nhận, lưu trữ, xử lý, cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám; xây dựng cơ sở dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

8. Khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia vào hoạt động viễn thám tại Việt Nam.

**Điều 5. Điểm tham chiếu viễn thám**

1. Điểm tham chiếu viễn thám là điểm có hình ảnh trên dữ liệu viễn thám và được xác định tọa độ trong hệ tọa độ quốc gia Việt Nam để hiệu chỉnh hình học dữ liệu viễn thám và quan trắc dịch chuyển bề mặt Trái Đất.

2. Điểm tham chiếu viễn thám phải được xây dựng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

**Điều 6. Quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám**

1. Quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám được thực hiện theo pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm viễn thám trong sản xuất được thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật của lĩnh vực viễn thám và thiết kế kỹ thuật được phê duyệt.

3. Sản phẩm viễn thám sản xuất trong nước, nhập khẩu lưu thông trên thị trường phải bảo đảm chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật của lĩnh vực viễn thám và quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về kết quả giám sát, kiểm tra chất lượng, nghiệm thu sản phẩm viễn thám.

5. Tổ chức, cá nhân phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy về sản phẩm viễn thám do mình tạo ra.

6. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm viễn thám do mình tạo ra.

**Điều 7. Các hoạt động khoa học và công nghệ về viễn thám được ưu tiên**

1. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về viễn thám.

2. Nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ thiết kế, chế tạo, vận hành vệ tinh và thiết bị vệ tinh; thiết bị và trạm thu dữ liệu viễn thám, trạm điều khiển vệ tinh viễn thám; khinh khí cầu; thiết bị bay không người lái; cơ sở dữ liệu viễn thám.

3. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới về viễn thám, chú trọng đầu tư, phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), học máy (Machine learning), dữ liệu lớn (Big Data), internet vạn vật (IoT), chuỗi khối (Blockchain), chuyển đổi số trong quản lý, quan trắc và giám sát nông nghiệp, tài nguyên thiên nhiên, môi trường, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

**Điều 8. Hợp tác quốc tế về viễn thám**

1. Trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong quản lý nhà nước, chính sách, pháp luật về viễn thám.

2. Trao đổi thông tin về hoạt động của hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám, cơ sở dữ liệu viễn thám.

3. Trao đổi dữ liệu, sản phẩm viễn thám xuyên biên giới thu nhận được từ các vệ tinh viễn thám.

4. Hợp tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong quan trắc, giám sát bằng viễn thám.

5. Trao đổi chuyên gia, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng cán bộ tại nước ngoài, tổ chức quốc tế về viễn thám.

6. Tổ chức, thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế khác về viễn thám.

**Chương II
HỆ THỐNG THU NHẬN DỮ LIỆU VIỄN THÁM**

## Điều 9. Vệ tinh viễn thám

1. Vệ tinh viễn thám là vệ tinh nhân tạo được trang bị cảm biến viễn thám nhằm thu thập thông tin về Trái Đất và khí quyển.

2. Việc xây dựng và phát triển vệ tinh viễn thám phải được thực hiện theo chiến lược, chương trình, kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Vệ tinh viễn thám phải được cấp giấy phép hoạt động trước khi phóng lên quỹ đạo.

4. Cơ quan chủ quản vận hành vệ tinh viễn thám phải báo cáo định kỳ hằng quý theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trước ngày 15 của tháng đầu tiên của quý kế tiếp về Bộ Nông nghiệp và Môi trường; việc báo cáo đột xuất được thực hiện khi có yêu cầu bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5. Việc thu quét dữ liệu của các vệ tinh viễn thám được xây dựng bằng nguồn ngân sách nhà nước phải tuân theo kế hoạch thu nhận dữ liệu viễn thám hằng năm, định kỳ 05 năm do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành. Trong trường hợp thu quét ngoài kế hoạch thì cơ quan vận hành vệ tinh viễn thám phải báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để thống nhất kế hoạch.

6. Các vệ tinh viễn thám phải có chế độ ưu tiên thu quét dữ liệu phục vụ công tác quốc phòng - an ninh; phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

7. Việc quản lý, vận hành, khai thác vệ tinh viễn thám phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật hiện hành và phù hợp với quy chuẩn quốc tế.

**Điều 10. Xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám**

1. Công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám xây dựng bằng ngân sách nhà nước được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám quốc gia thuộc phạm vi quản lý, tuân thủ theo Luật Đầu tư công và các văn bản quy định pháp luật về xây dựng hiện hành;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý, tuân thủ theo Luật Đầu tư công và các văn bản quy định pháp luật về xây dựng hiện hành.

2. Việc xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám độ phân giải cao và siêu cao phải được thực hiện theo chiến lược, chương trình, kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Khi lập kế hoạch xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám độ phân giải cao và siêu cao, chủ đầu tư phải xin ý kiến bằng văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ về vị trí đặt trạm, tần số, ứng dụng trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Khi xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám, chủ đầu tư phải xác định hành lang bảo vệ theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

**Điều 11. Vận hành, bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám**

1. Việc vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám được quy định như sau:

a) Chủ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phải lập quy trình vận hành trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi đưa vào khai thác, sử dụng;

b) Đối với công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám đang khai thác, sử dụng mà chưa có quy trình vận hành thì tổ chức được giao vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám có trách nhiệm lập quy trình vận hành trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổ chức, cá nhân được giao vận hành, bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phải thực hiện đúng quy trình vận hành, bảo trì đảm bảo công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám luôn hoạt động theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật khi xây dựng.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện việc vận hành, bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám quốc gia thuộc phạm vi quản lý.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc vận hành, bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.

5. Cơ quan chủ quản vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phải báo cáo định kỳ hằng quý theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trước ngày 15 của tháng đầu tiên của quý kế tiếp về Bộ Nông nghiệp và Môi trường; việc báo cáo đột xuất được thực hiện khi có yêu cầu bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho việc mua tín hiệu viễn thám của nước ngoài, vận hành và bảo trì các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám được xây dựng bằng ngân sách nhà nước.

**Điều 12. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám**

1. Tổ chức, cá nhân được tham gia đầu tư xây dựng hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám phải tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của nhà nước và tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

2. Tổ chức, cá nhân xây dựng và vận hành vệ tinh viễn thám phải tuân thủ các quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

3. Tổ chức, cá nhân xây dựng và vận hành công trình hạ tầng viễn thám phải tuân thủ các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 và khoản 1, khoản 2 Điều 11 của Nghị định này.

 **Điều 13. Hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám**

1. Hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phải được xác định trong quá trình giao đất, cho thuê đất. Đối với những công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám đã được xây dựng và đang hoạt động ổn định trước khi Nghị định này được ban hành thì giữ nguyên hiện trạng.

2. Việc cắm mốc giới để xác định và công bố công khai ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám được xác định trên bản đồ địa chính theo quy định hiện hành.

3. Hành lang bảo vệ của các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám độ phân giải cao và siêu cao được xác lập với bán kính tối thiểu là 150 mét tính từ tâm ăng ten.

4. Bảo vệ hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám

a) Trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám không được xây dựng công trình cao tầng, trồng cây lâu năm cao hơn điểm thấp nhất của ăng ten khi hoạt động, gây che chắn ăng ten; không được thực hiện các hoạt động làm ảnh hưởng đến sự ổn định của công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám;

b) Đối với trạm điều khiển vệ tinh viễn thám và trạm thu dữ liệu viễn thám (trừ trạm thu dữ liệu từ vệ tinh viễn thám địa tĩnh), ngoài hành lang bảo vệ được thiết lập theo khoản 3 Điều này được trồng cây hoặc xây dựng công trình nhưng độ cao phải bảo đảm góc giữa đường nối tâm ăng ten tới điểm cao nhất của cây hoặc công trình và bề mặt ngang qua tâm ăng ten không vượt quá 2° (hai độ);

c) Khi triển khai mới các công trình hạ tầng để sử dụng các hệ thống vô tuyến điện có vùng phủ sóng có khả năng ảnh hưởng tới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám cần bảo đảm không được gây nhiễu có hại cho các trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu dữ liệu viễn thám;

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ quy định tại Điều này và quy định khác của pháp luật có liên quan xác định ranh giới và bảo vệ hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 14. Trách nhiệm bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định và tổ chức bảo vệ cho từng loại công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phải thực hiện đúng quy định về bảo vệ cho từng loại công trình.

3. Người dân khi phát hiện công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám bị phá hoại hoặc hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám bị xâm phạm phải kịp thời thông báo với chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

**Điều 15. Di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám**

1. Việc di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám được thực hiện trong trường hợp do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh mà công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám không thể tiếp tục duy trì sự tồn tại hoặc không hoạt động bình thường theo tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, thông số kỹ thuật.

2. Việc di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám độ phân giải cao và siêu cao thực hiện theo quy định sau đây:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đến cơ quan quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám về yêu cầu phải di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám;

b) Cơ quan quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thỏa thuận, lựa chọn địa điểm mới để di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ gửi văn bản xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ về việc di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập dự án di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám gửi cơ quan quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan xem xét, cho ý kiến trước khi phê duyệt dự án;

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám tổ chức việc di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám.

3. Việc di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám độ phân trung bình và thấp thực hiện theo quy định sau đây:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đến cơ quan quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám về yêu cầu phải di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám;

b) Cơ quan quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thỏa thuận, lựa chọn địa điểm mới để di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám tổ chức việc di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám.

**Điều 16. Thu nhận dữ liệu viễn thám**

1. Dữ liệu viễn thám được thu nhận từ các nguồn

a) Trạm thu dữ liệu viễn thám của Việt Nam;

b) Mua, trao đổi, nhận viện trợ của nước ngoài.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch thu nhận dữ liệu viễn thám trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, định kỳ 05 năm trên cơ sở tổng hợp nhu cầu của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và nhiệm vụ đột xuất được Nhà nước giao.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám và gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, định kỳ 05 năm để tổng hợp.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai việc thu nhận dữ liệu viễn thám từ các trạm thu dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý theo kế hoạch đã được phê duyệt.

5. Việc mua dữ liệu viễn thám của nước ngoài (nếu có) bằng nguồn ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong các trường hợp sau:

a) Trạm thu dữ liệu viễn thám ở Việt Nam và cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia không đáp ứng được yêu cầu về chủng loại, số lượng, chất lượng và thời gian thu nhận;

b) Chưa có trong kế hoạch thu nhận dữ liệu viễn thám đã được phê duyệt.

**Chương III
CƠ SỞ DỮ LIỆU VIỄN THÁM**

**Điều 17. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia**

1. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia bao gồm dữ liệu viễn thám được thu nhận tại trạm thu dữ liệu viễn thám quốc gia; mua từ nguồn ngân sách nhà nước; trao đổi, nhận viện trợ của nước ngoài; siêu dữ liệu viễn thám tập hợp từ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; sản phẩm viễn thám đã được kiểm tra, đánh giá.

2. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phải được cập nhật thường xuyên, trong đó, dữ liệu viễn thám có độ phân giải cao được cập nhật hằng năm, dữ liệu viễn thám có độ phân giải siêu cao được cập nhật 05 năm một lần phủ trùm lãnh thổ Việt Nam.

3. Dữ liệu, siêu dữ liệu, sản phẩm viễn thám được tích hợp vào Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật đã được ban hành.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, vận hành, cập nhật Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia; xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về Cơ sở dữ liệu viễn thám.

5. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho việc xây dựng, vận hành, cập nhật Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.

**18. Cơ sở dữ liệu viễn thám chuyên ngành**

1. Cơ sở dữ liệu viễn thám chuyên ngành bao gồm dữ liệu viễn thám, sản phẩm viễn thám, siêu dữ liệu viễn thám đã được kiểm tra, đánh giá của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhằm phục vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, vận hành, cập nhật Cơ sở dữ liệu viễn thám chuyên ngành; xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí để vận hành Cơ sở dữ liệu viễn thám chuyên ngành; định kỳ báo cáo về việc vận hành Cơ sở dữ liệu viễn thám chuyên ngành cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 19. Kết** **nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu viễn thám**

1. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia được kết nối với cơ sở dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia để chia sẻ thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở dữ liệu viễn thám chuyên ngành được kết nối với Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng tiêu chuẩn kết nối và tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật về trao đổi dữ liệu; quy định quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

b) Đáp ứng các quy định về an toàn, bảo mật thông tin, các quy định về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến dữ liệu và quyền riêng tư của tổ chức, cá nhân.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện quản lý, kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo quy định của pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

4. Các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì thực hiện việc quản lý, kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu viễn thám chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia theo quy định của pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

**Điều 20. Công bố siêu dữ liệu viễn thám**

1. Công bố siêu dữ liệu viễn thám hằng năm

Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia của năm trước trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Nội dung công bố theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Công bố siêu dữ liệu viễn thám hằng tháng

Trước ngày 10 hằng tháng, cơ quan vận hành trạm thu dữ liệu viễn thám phải công bố siêu dữ liệu viễn thám thu nhận được của tháng trước đó trên Cổng thông tin điện tử của mình. Nội dung công bố theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Công bố siêu dữ liệu viễn thám thường xuyên

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày các cơ quan, tổ chức, cá nhân giao nộp dữ liệu và siêu dữ liệu, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố thường xuyên siêu dữ liệu viễn thám do mình quản lý trên Cổng thông tin điện tử của mình. Nội dung công bố theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Hoãn công bố siêu dữ liệu viễn thám

a) Trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng theo quy định của pháp luật thì việc công bố siêu dữ liệu viễn thám được tạm hoãn;

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo việc tạm hoãn công bố siêu dữ liệu viễn thám trên Cổng thông tin điện tử của mình, trong đó phải nêu rõ lý do của việc tạm hoãn;

c) Ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố siêu dữ liệu viễn thám theo quy định.

**Chương IV**

**LƯU TRỮ, CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU, SẢN PHẨM VIỄN THÁM**

**Điều 21. Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám**

1. Văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về viễn thám.

2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về viễn thám.

3. Thông tin, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ viễn thám.

4. Thông tin về hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám.

5. Thông tin chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám.

6. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm, báo cáo quan trắc, giám sát bằng viễn thám.

7. Dữ liệu viễn thám.

8. Siêu dữ liệu viễn thám.

9. Sản phẩm viễn thám.

10. Điểm tham chiếu viễn thám.

11. Khóa giải đoán viễn thám.

12. Mẫu phổ, thư viện phổ viễn thám.

**Điều 22. Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám mở**

1. Văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch viễn thám.

2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật viễn thám.

3. Thông tin của nhiệm vụ khoa học và công nghệ viễn thám.

4. Thông tin về hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám.

5. Thông tin chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám.

6. Thông tin, báo cáo quan trắc, giám sát bằng viễn thám.

7. Dữ liệu viễn thám có độ phân giải không gian lớn hơn 10 m hoặc dữ liệu viễn thám có thời gian thu chụp 10 năm trở lên.

8. Siêu dữ liệu viễn thám.

**Điều 23**. **Giao nộp và lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám**

1. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến viễn thám thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được đơn vị chủ trì giao nộp để lưu trữ theo quy định. Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám giao nộp theo quy định trong thiết kế kỹ thuật - dự toán của chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến viễn thám do các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện giao nộp cho Cục Viễn thám quốc gia để lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày được nghiệm thu hoàn thành.

3. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến viễn thám do các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được giao nộp cho cơ quan, tổ chức lưu trữ thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; cơ quan, tổ chức lưu trữ thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao nộp siêu dữ liệu viễn thám cho Cục Viễn thám quốc gia thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày được nghiệm thu hoàn thành để tổng hợp, lưu trữ.

4. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến viễn thám do các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao nộp siêu dữ liệu viễn thám cho Cục Viễn thám quốc gia thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày được nghiệm thu hoàn thành để tổng hợp, lưu trữ.

5. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám giao nộp để lưu trữ phải được kiểm tra, nghiệm thu chất lượng sản phẩm theo quy định.

6. Cơ quan, tổ chức giao nộp thông báo cho cơ quan, tổ chức lưu trữ về việc giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám; trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức lưu trữ có trách nhiệm tiếp nhận và lập biên bản bàn giao.

7. Cơ quan, tổ chức lưu trữ có trách nhiệm tổ chức việc lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám theo quy định của pháp luật về lưu trữ, đảm bảo đủ cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị phục vụ việc lưu trữ, bảo quản an toàn, thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng.

**Điều 24. Xác nhận, xác thực dữ liệu, sản phẩm viễn thám**

1. Cơ quan cung cấp dữ liệu, sản phẩm viễn thám có trách nhiệm xác nhận, xác thực dữ liệu cung cấp cho người sử dụng khi được yêu cầu.

2. Dữ liệu, sản phẩm viễn thám được xác nhận, xác thực có giá trị chứng minh sự tồn tại, nguồn gốc, thời gian thu nhận, chủng loại, chất lượng.

3. Dữ liệu, sản phẩm viễn thám có giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử khi được thu nhận, xử lý phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật và được cơ quan cung cấp dữ liệu xác nhận.

**Điều 25. Dịch vụ công trực tuyến về viễn thám**

1. Dịch vụ công trực tuyến về viễn thám được thực hiện qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Cơ quan quản lý Cổng dịch vụ công xác định và công bố quy định về định danh và xác thực điện tử của chủ thể tham gia giao dịch dịch vụ công trực tuyến về viễn thám trên cổng dịch vụ công và tuân thủ quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố công khai danh mục dịch vụ công trực tuyến về viễn thám, mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc một phần để cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân được biết.

4. Căn cứ điều kiện cụ thể về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu viễn thám đang quản lý, cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về viễn thám có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo quy định của Chính phủ.

**Điều 26. Hình thức khai thác thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám**

Việc khai thác thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám thực hiện theo các hình thức sau đây:

1. Cổng dữ liệu quốc gia, Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Thông tin điện tử của chủ quản cơ sở dữ liệu viễn thám, ứng dụng định danh quốc gia, nền tảng định danh và xác thực điện tử và các phương tiện khác do cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

2. Khai thác bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám theo quy định của pháp luật.

3. Trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

4. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 27.** **Phí khai thác và giá dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám**

1. Phí khai thác dữ liệu, sản phẩm viễn thám được thực hiện theo quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia do Bộ Tài chính ban hành.

2. Giá dịch vụ cung cấp dữ liệu, sản phẩm viễn thám không được thu nhận tại trạm thu dữ liệu viễn thám được xây dựng bằng ngân sách nhà nước hoặc không có trong cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia được thực hiện theo hợp đồng thỏa thuận.

3. Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám mở quy định tại Điều 22 của Nghị định này thì không phải trả phí khai thác.

4. Đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu sử dụng dữ liệu do vệ tinh viễn thám của Việt Nam thu quét trên lãnh thổ nước ngoài thì cơ quan vận hành vệ tinh hoặc trạm thu dữ liệu viễn thám cung cấp dữ liệu theo hợp đồng thỏa thuận trên cơ sở giá đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 28. Những trường hợp không cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám**

1. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng - an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội theo pháp luật quy định.

2. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám không hợp lệ theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám nhưng không thực hiện nghĩa vụ tài chính khai thác thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám theo quy định.

**Điều 29. Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám**

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám phải điền đầy đủ thông tin trong Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám (sau đây gọi là Phiếu yêu cầu) theo Mẫu số 07 Phụ lục kèm theo Nghị định này hoặc gửi văn bản yêu cầu cho cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám hoặc hợp đồng.

2. Việc nộp Phiếu yêu cầu tới cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám theo một trong các phương thức sau:

a) Nộp trên Cổng dữ liệu quốc gia, Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Thông tin điện tử của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám;

b) Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường công văn, qua dịch vụ bưu chính;

c) Nộp thông qua các phương tiện điện tử khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ trong Phiếu yêu cầu:

a) Trường hợp chưa đầy đủ thông tin theo Phiếu yêu cầu, cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ thông tin theo quy định trong thời hạn 02 ngày làm việc;

b) Trường hợp đã đầy đủ thông tin theo Phiếu yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám có văn bản thông báo về nghĩa vụ tài chính (nếu có) cho tổ chức, cá nhân;

c) Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám thì phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết trong thời hạn 02 ngày làm việc.

4. Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có), cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám theo yêu cầu.

5. Thời gian cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám thực hiện theo quy định sau:

a) Đối với thông tin, dữ liệu có sẵn trong cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia thì cung cấp trong thời hạn 02 ngày làm việc sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có);

b) Đối với thông tin, dữ liệu không có sẵn trong cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia thì phải có thỏa thuận riêng về việc đặt thu quét dữ liệu tại trạm thu dữ liệu viễn thám của cơ quan cung cấp hoặc mua từ nước ngoài. Thời gian cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám được xác định theo thỏa thuận.

6. Cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám

a) Cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám ở trung ương là Cục Viễn thám quốc gia thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám ở địa phương là Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 30. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám**

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám:

a) Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy cập thuận tiện; có công cụ tìm kiếm dữ liệu thường xuyên được nâng cấp, cải tiến theo hướng thân thiện với người dùng, dễ sử dụng và chính xác;

c) Bảo đảm khuôn dạng dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật để dễ sử dụng, hiển thị nhanh chóng và in ấn bằng các phương tiện điện tử phổ biến;

d) Bảo đảm tính chính xác, thống nhất về nội dung;

đ) Trường hợp tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám, cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám có trách nhiệm thông báo công khai chậm nhất là 07 ngày làm việc trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám để sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin. Nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Người cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám có một trong các hành vi quy định tại Điều 11 Luật Tiếp cận thông tin mà gây thiệt hại thì cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám phải bồi thường thiệt hại, cá nhân có hành vi vi phạm có trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám:

a) Không được cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng và tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

b) Phải thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) theo quy định pháp luật;

c) Thông báo kịp thời cho cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã được cung cấp;

d) Truy cập đúng địa chỉ, mã khoá; không được làm lộ địa chỉ, mã khoá truy cập đã được cấp, khi bị mất quyền truy cập cần báo ngay cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám kịp thời xử lý;

đ) Khai thác dữ liệu trong phạm vi được cấp, sử dụng dữ liệu đúng mục đích, không xâm nhập trái phép cơ sở dữ liệu viễn thám;

e) Không được thay đổi, xóa, huỷ, sao chép, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ dữ liệu; không được tạo ra hoặc phát tán chương trình phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại cơ sở dữ liệu viễn thám.

**Điều 31. Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám cho tổ chức, cá nhân**

1. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám là tài sản công được cung cấp, khai thác, sử dụng dưới dạng bản sao hoặc dưới dạng xuất bản phần mềm điện tử. Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu viễn thám có trách nhiệm về nguồn gốc của bản sao.

2. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám được ưu tiên cung cấp theo yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp, phục vụ nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, tìm kiếm cứu nạn.

3. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Tổ chức cung cấp thông tin, dữ liệu viễn thám chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc, tính chính xác, đầy đủ của thông tin, dữ liệu viễn thám do mình cung cấp.

**Điều 32. Trao đổi dữ liệu viễn thám với các tổ chức, cá nhân nước ngoài**

1. Nhà nước khuyến khích trao đổi dữ liệu viễn thám với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Việc trao đổi dữ liệu viễn thám phải bảo đảm quốc phòng - an ninh, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia.

3. Vệ tinh viễn thám của Việt Nam thu quét dữ liệu trên lãnh thổ nước ngoài được trao đổi dữ liệu với vệ tinh viễn thám của nước ngoài thu quét dữ liệu trên lãnh thổ Việt Nam theo thỏa thuận, tuân thủ với pháp luật Việt Nam.

**Điều 33. Tổ chức, cá nhân đại diện cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của nước ngoài**

1. Tổ chức, cá nhân đại diện cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của nước ngoài phải có giấy ủy quyền đại diện cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của tổ chức được đại diện.

2. Tổ chức, cá nhân đại diện cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của nước ngoài phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy về sản phẩm viễn thám, đảm bảo thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám được cung cấp phù hợp với tiêu chuẩn công bố; chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm viễn thám do mình tạo ra.

3. Hằng năm, tổ chức, cá nhân đại diện cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của nước ngoài phải báo cáo về tình hình cung cấp dữ liệu cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**Chương V
 ỨNG DỤNG VIỄN THÁM**

**Điều 34. Hoạt động ứng dụng viễn thám**

1. Giám sát diện tích, cơ cấu cây trồng, vùng tưới tiêu, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa; hỗ trợ cấp mã số vùng trồng; xây dựng dữ liệu thổ nhưỡng; hỗ trợ quy hoạch phát triển nông thôn.

2. Giám sát hiện trạng, biến động rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, khu di sản, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn biển, khu di sản, công viên địa chất, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước; cảnh báo cháy rừng; tính toán hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng; hỗ trợ kiểm kê, thống kê rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

3. Giám sát ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước, sự cố tràn dầu trên biển, rác thải nhựa đại dương, độ ẩm đất, mực nước sông, hồ, sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ, hành lang bảo vệ nguồn nước, hoạt động chuyển nước, hệ thống tưới tiêu; lập bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường.

4. Cập nhật dữ liệu nền địa lý; lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất; giám sát quy hoạch, kế hoạch, chỉ tiêu sử dụng đất; hỗ trợ công tác thống kê, kiểm kê đất đai, bồi thường, tái định cư, suy thoái đất, xói mòn đất, hoạt động khai thác khoáng sản lộ thiên, điều tra cơ bản về địa chất, khoáng sản.

5. Giám sát quy hoạch về biển và hải đảo, vùng bờ, hành lang bảo vệ bờ biển, xâm thực bờ biển, phân bố rạn san hô, rừng ngập mặn, hoạt động lấn biển, hoạt động nuôi trồng thủy sản, hoạt động tàu thuyền trên biển; quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; xác định đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm, vùng đánh bắt hải sản tiềm năng.

6. Giám sát, cảnh báo hạn hán, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng, dịch chuyển bề mặt đất, sạt lở đất, xói lở bờ biển, phát thải khí nhà kính, tầng ô-dôn, mực nước biển dâng, nhiệt độ bề mặt; hỗ trợ đánh giá, thống kê và công bố số liệu thiệt hại do thiên tai gây ra, đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.

7. Xây dựng dữ liệu chuyên đề; hỗ trợ quản lý, quy hoạch giao thông, đô thị; giám sát các đề án, dự án, cơ sở sản xuất năng lượng; hỗ trợ phòng chống dịch bệnh và cải thiện sức khỏe cộng đồng.

 8. Ứng dụng viễn thám phục vụ quốc phòng - an ninh.

**Điều 35. Quan trắc, giám sát bằng viễn thám**

1. Quan trắc, giám sát bằng viễn thám là việc ứng dụng viễn thám để thu nhận và phân tích có hệ thống các thông tin biểu hiện trạng thái, hiện tượng nhằm theo dõi, đánh giá quá trình diễn biến theo không gian và thời gian của các đối tượng trên Trái Đất và khí quyển.

2. Yêu cầu đối với quan trắc, giám sát bằng viễn thám

a) Quan trắc, giám sát bằng viễn thám phải liên tục, thống nhất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

b) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm quan trắc, giám sát bằng viễn thám phải được kiểm tra, đánh giá chất lượng.

3. Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố báo cáo quan trắc, giám sát bằng viễn thám của năm trước trên Cổng thông tin điện tử của Bộ theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 36. Giám sát thiên tai bằng viễn thám**

1. Giám sát thiên tai bằng viễn thám là việc ứng dụng viễn thám để thu nhận thông tin về khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai; thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra; cung cấp thông tin xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai và xây dựng cơ sở dữ liệu giám sát thiên tai.

2. Trách nhiệm của cơ quan vận hành hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám

a) Huy động mọi nguồn lực (nhân lực, máy móc, thiết bị, kinh phí) tập trung, ưu tiên thu nhận dữ liệu viễn thám giám sát thiên tai kịp thời;

b) Cung cấp dữ liệu viễn thám cho cơ quan được giao nhiệm vụ giám sát thiên tai bằng viễn thám ngay sau khi thu nhận được dữ liệu.

3. Trách nhiệm của cơ quan được giao nhiệm vụ giám sát thiên tai bằng viễn thám

a) Trực, theo dõi diễn biến trong quá trình thiên tai xảy ra, thông báo kịp thời cho cơ quan vận hành hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám về khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai;

b) Xử lý, phân tích dữ liệu viễn thám ngay sau khi nhận được dữ liệu viễn thám để chiết xuất các thông tin về thiên tai;

c) Cung cấp kết quả giám sát thiên tai bằng viễn thám cho cơ quan dự báo cảnh báo thiên tai, cơ quan chỉ đạo phòng chống thiên tai.

**Điều 37. Dữ liệu chuyên đề thành lập bằng viễn thám**

1. Dữ liệu chuyên đề thành lập bằng viễn thám là dữ liệu thể hiện trực quan sự phân bố không gian của một chủ đề hoặc một đối tượng cụ thể.

2. Thời điểm xác định hiện trạng của dữ liệu chuyên đề thành lập bằng viễn thám được xác định căn cứ tại thời điểm thu nhận dữ liệu viễn thám từ cảm biến.

3. Sản phẩm dữ liệu chuyên đề thành lập bằng viễn thám phải được cơ quan có chức năng kiểm định chất lượng sản phẩm viễn thám thẩm định.

**Điều 38. Khóa giải đoán viễn thám và mẫu phổ viễn thám**

1. Khóa giải đoán viễn thám là bộ tiêu chuẩn sử dụng các đặc điểm nhận dạng của đối tượng trên bề mặt Trái Đất và khí quyển dựa trên các yếu tố như màu sắc, hình dạng, kích thước, cấu trúc, bóng đổ và bối cảnh địa lý trên dữ liệu viễn thám.

2. Mẫu phổ viễn thám là đặc trưng phản xạ hoặc phát xạ bức xạ điện từ của một đối tượng trên bề mặt Trái Đất, khí quyển và được ghi nhận qua các dải phổ khác nhau bởi cảm biến viễn thám. Thư viện phổ viễn thám là tập hợp các mẫu phổ viễn thám của các đối tượng trên bề mặt Trái Đất và khí quyển.

3. Khóa giải đoán viễn thám và mẫu phổ viễn thám được sử dụng để huấn luyện các mô hình học máy phục vụ chiết xuất thông tin từ dữ liệu viễn thám bằng trí tuệ nhân tạo.

4. Yêu cầu đối với khóa giải đoán viễn thám và mẫu phổ viễn thám

a) Bảo đảm tính đại diện, phản ánh khách quan các đối tượng trên Trái Đất và khí quyển;

b) Phải được xây dựng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

**Chương VI
 TRÁCH NHIỆM VỀ HOẠT ĐỘNG VIỄN THÁM**

**Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động viễn thám.

2. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược, quy hoạch viễn thám.

3. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về viễn thám; quy chế phối hợp liên ngành về khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám.

4. Tham gia ý kiến về nội dung liên quan đến công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám đối với các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; nội dung liên quan đến cơ sở dữ liệu viễn thám đối với các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

5. Quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám; tổ chức kiểm định thiết bị viễn thám; xác thực, xác nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý;

6. Đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

7. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức trong lĩnh vực viễn thám.

8. Làm cơ quan đầu mối hợp tác quốc tế về hoạt động viễn thám.

9. Tổng hợp và công bố siêu dữ liệu viễn thám của cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.

10. Tổng hợp nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và xây dựng kế hoạch thu nhận dữ liệu viễn thám định kỳ hằng năm, 05 năm.

11. Chủ trì tổ chức triển khai việc thu nhận, lưu trữ, xử lý, cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám; xây dựng, cập nhật và vận hành cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia, phát triển ứng dụng viễn thám.

12. Xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý của bộ.

13. Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về viễn thám và xử lý vi phạm pháp luật về viễn thám theo thẩm quyền.

14. Xây dựng, quản lý, cập nhật khóa giải đoán và thư viện phổ viễn thám.

**Điều 40. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an**

1. Xây dựng các quy định về độ mật, giải mật của dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

2. Xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu viễn thám với Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia;

3. Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về hệ thống thu nhận dữ liệu, cơ sở dữ liệu, sản phẩm viễn thám chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.

4. Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 42 của Nghị định này.

**Điều 41. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ**

1. Quy định về bảo vệ tần số đối với công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám.

2. Cấp giấy phép hoạt động của vệ tinh viễn thám trước khi phóng lên quỹ đạo.

3. Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 42 của Nghị định này.

**Điều 42. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan**

1. Chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý và thực hiện báo cáo định kỳ hằng quý hoặc đột xuất về Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Triển khai thực hiện việc thu nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu viễn thám và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu viễn thám chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.

3. Xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám để đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng thuộc phạm vi quản lý.

4. Thực hiện việc quản lý chất lượng dữ liệu, sản phẩm viễn thám; lưu trữ và cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám thuộc phạm vi quản lý;

5. Xây dựng nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý định kỳ hằng năm, 05 năm và theo nhiệm vụ đột xuất Nhà nước giao theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp và thống nhất việc thu nhận.

6. Chịu trách nhiệm bảo đảm hành lang an toàn kỹ thuật và bảo vệ các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

7. Cung cấp siêu dữ liệu viễn thám mua từ nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 03 tháng, kể từ ngày nhận được dữ liệu từ nhà cung cấp.

8. Hằng năm báo cáo về tình hình hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý về Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo theo mẫu số 09 quy định tại Điều 42 Nghị định này.

**Điều 43. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Bảo đảm hành lang an toàn kỹ thuật và bảo vệ các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám tại địa phương theo quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Xây dựng nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương định kỳ hằng năm, 05 năm và theo nhiệm vụ đột xuất Nhà nước giao theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp và thống nhất việc thu nhận.

3. Triển khai thực hiện việc thu nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu viễn thám và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

4. Xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám để đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

5. Cung cấp siêu dữ liệu viễn thám mua từ nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 03 tháng, kể từ ngày nhận được dữ liệu từ nhà cung cấp.

6. Quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám, lưu trữ và cung cấp thông tin, dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

7. Kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc chấp hành các quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

8. Hằng năm báo cáo về tình hình hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.

**Điều 44. Báo cáo về hoạt động viễn thám**

1. Đối tượng lập báo cáo hằng năm về hoạt động viễn thám gồm Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc thực hiện báo cáo phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định này và các quy định trong Luật bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm.

3. Nội dung báo cáo hoạt động viễn thám, bao gồm:

a) Hoạt động của vệ tinh viễn thám thuộc phạm vi quản lý;

b) Hoạt động của trạm thu nhận và trạm điều khiển vệ tinh viễn thám thuộc phạm vi quản lý;

c) Vận hành cơ sở dữ liệu viễn thám;

d) Kết quả thu nhận dữ liệu viễn thám;

đ) Kết quả cung cấp dữ liệu, sản phẩm viễn thám;

e) Hoạt động ứng dụng viễn thám;

g) Kết quả quan trắc giám sát bằng viễn thám.

4. Trách nhiệm lập và gửi báo cáo về hoạt động viễn thám

a) Tổ chức hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập báo cáo về hoạt động viễn thám theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này gửi cơ quan chủ quản trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo;

b) Tổ chức hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo về hoạt động viễn thám theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo về hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông qua Cục Viễn thám quốc gia trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo;

d) Cục Viễn thám quốc gia là cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thám lập báo cáo về hoạt động viễn thám trên phạm vi cả nước trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ký, gửi Chính phủ trong thời hạn 45 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo.

5. Ngoài việc thực hiện báo cáo định kỳ, khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thám thì cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động viễn thám theo yêu cầu.

6. Cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu trong báo cáo về hoạt động viễn thám của mình.

**Chương VII
HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 45. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động viễn thám hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 46. Tổ chức thực hiện**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KGVX (2). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Phạm Minh Chính** |

**Phụ lục**

**MẪU BÁO CÁO, VĂN BẢN YÊU CẦU**

*(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025*

*của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 01  | Báo cáo về việc vận hành vệ tinh viễn thám |
| Mẫu số 02 | Báo cáo về vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám |
| Mẫu số 03 | Nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám  |
| Mẫu số 04 | Báo cáo công bố siêu dữ liệu viễn thám (hằng năm) |
| Mẫu số 05 | Công bố siêu dữ liệu viễn thám (hằng tháng) |
| Mẫu số 06 | Công bố siêu dữ liệu viễn thám thường xuyên |
| Mẫu số 07 | Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu sản phẩm viễn thám  |
| Mẫu số 08 | Báo cáo quan trắc giám sát bằng công nghệ viễn thám. |
| Mẫu số 09 | Báo cáo về hoạt động viễn thám |

**Mẫu số 01. Báo cáo về việc vận hành vệ tinh viễn thám**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC**Số....../BC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***......., ngày tháng năm 20...* |

**BÁO CÁO VỀ VIỆC VẬN HÀNH VỆ TINH VIỄN THÁM**

**(Quý/Năm ...)**

- Căn cứ Nghị định số …../20…/NĐ-CP ngày ….tháng … năm 20… của Chính phủ về hoạt động viễn thám;

- Căn cứ ....;

- Căn cứ ....;

...

Cơ quan/Đơn vị\*... xin báo cáo về tình hình vận hành vệ tinh từ ngày..tháng.. năm đến ngày.. tháng.. năm, như sau:

**I. Tình trạng của vệ tinh**

**1. Vệ tinh: tên vệ tinh**

1.1. Hiện trạng thiết bị trên vệ tinh

- Hiện trạng các tấm pin mặt trời;

- Hiện trạng pin lưu điện;

- Nhiên liệu;

- Hệ thống nhiệt;

- Khối truyền thông;

- Hiện trạng thiết bị cảm biến:

+ Tên thiết bị;

+ Hiện trạng.

- Các thành phần khác.

1.2. Các sự cố kỹ thuật

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngày, tháng, năm** | **Mô tả sự cố kỹ thuật** | **Biện pháp xử lý** | **Kết quả khắc phục** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

1.3. Quỹ đạo vệ tinh

- Thông số quỹ đạo hiện tại:

- Độ cao trung bình: [km]

- Chu kỳ quỹ đạo: [phút]

- Độ nghiêng quỹ đạo: [độ]

- Sự điều chỉnh quỹ đạo (nếu có):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngày, tháng, năm** | **Mô tả sự điều chỉnh** | **Kết quả điều chỉnh** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

**2. Vệ tinh: tên vệ tinh...**

**...**

**II. Kết quả thu quét tín hiệu**

**1. Đối với vệ tinh quang học**

1.1. Kết quả thu quét tín hiệu

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ngày, tháng, năm** | **Khu vực thu quét** | **Thời gian thu quét\*\*** | **Kết quả thu quét****(cảnh ảnh/km2)** | **Ghi chú** |
| **I** | **Tên vệ tinh 1** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |
| **II** | **Tên vệ tinh 2** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

1.2. Sơ đồ các dải thu quét tín hiệu (đối với từng vệ tinh ở định dạng \*.pdf và véc-tơ)

**2. Đối với vệ tinh Ra-đa**

2.1. Kết quả thu quét tín hiệu

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ngày, tháng, năm** | **Khu vực thu quét** | **Thời gian thu quét\*\*** | **Chế độ thu quét/ Độ phân giải** | **Phân cực** | **Góc quét** | **Kết quả thu quét** **(cảnh ảnh/km2)** | **Ghi chú** |
| **I** | **Tên vệ tinh 1** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Tên vệ tinh 2** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

2.2. Sơ đồ các dải thu quét tín hiệu (đối với từng vệ tinh ở định dạng \*.pdf và véc-tơ)

 **III. Hoạt động điều khiển vệ tinh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Số lượng ca làm việc** | **Ghi chú** |
| Đo xa/điều khiển | Hiệu chuẩn | Thay đổi quỹ đạo |
| **I** | **Tên vệ tinh 1** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| **II** | **Tên vệ tinh 2** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**IV. Nhận xét và kiến nghị**

Thuận lợi:

Khó khăn:

Đề xuất/kiến nghị:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:**** ….
* ...
 | **THỦ TRƯỞNG**(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) |

\* là tên cơ quan vận hành vệ tinh

\*\* từ ...giờ...phút...giây đến ...giờ...phút...giây (theo giờ GMT)

**Mẫu số 02. Báo cáo về vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC**Số....../BC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***........, ngày tháng năm 20...* |

**BÁO CÁO VỀ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG THU NHẬN DỮ LIỆU VIỄN THÁM**

- Căn cứ Nghị định số …../20…/NĐ-CP ngày ….tháng … năm 20… của Chính phủ về hoạt động viễn thám;

- Căn cứ ....;

- Căn cứ ....;

...

Đơn vị vận hành xin báo cáo về vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám từ ngày..tháng.. năm đến ngày.. tháng.. năm như sau:

**PHẦN I. TRẠM THU DỮ LIỆU VIỄN THÁM**

**1. Tổng quan vận hành trạm thu dữ liệu viễn thám**

- Tên trạm thu: [Tên trạm]

- Vị trí đặt trạm thu: [Tọa độ hoặc địa chỉ]

- Lỗi kỹ thuật:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Từ ngày.. đến ngày ..** | **Mô tả lỗi** | **Biện pháp xử lý** | **Kết quả khắc phục lỗi** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

- Bảo trì định kỳ:

*+ Thời gian bảo trì;*

*+ Đơn vị thực hiện;*

*+ Nội dung bảo trì.*

- **Hệ thống lưu trữ và xử lý dữ liệu:**

+ Tình trạng máy chủ: [hiện trạng máy chủ theo thực tế]

+ Tình trạng hệ thống lưu trữ: [hiện trạng hệ thống lưu trữ, đánh giá dung lượng tối đa tại thời điểm báo cáo]

+ Dung lượng sử dụng: [xx% trên dung lượng tối đa báo cáo ở trên]

+ Sửa chữa/Bảo trì định kỳ:

*(1) Sửa chữa: ghi rõ sự cố gặp phải, ngày thực hiện sửa chữa, thời gian gián đoạn*

*(2) Bảo trì định kỳ: ghi rõ ngày thực hiện, nội dung thực hiện, thời gian gián đoạn*

***- Các vấn đề tồn tại (nếu có):***

**1.3. Kết quả thu nhận dữ liệu viễn thám**

***1.3.1. Đối với trạm thu ảnh quang học***

**a) Vệ tinh 1**

- Tổng số dữ liệu viễn thám thu nhận được (cảnh ảnh/km2):

- Tổng số dữ liệu viễn thám thu nhận được có độ phủ mây dưới 25% (cảnh ảnh/km2):

- Tổng số dữ liệu viễn thám thu nhận được có độ phủ mây dưới 10% (cảnh ảnh/km2):

- Sơ đồ dải quét (định dạng pdf, vector):

**b) Vệ tinh 2**

***….***

***1.3.2. Đối với trạm thu ảnh Radar***

**a) Vệ tinh 1**

- Dữ liệu viễn thám chế độ …, phân cực…, góc quét…..thu nhận được (cảnh ảnh/km2):

- Dữ liệu viễn thám chế độ …, phân cực…, góc quét…..thu nhận được (cảnh ảnh/km2):

….

 - Sơ đồ dải quét (định dạng pdf, vector):

**b) Vệ tinh 2**

- Dữ liệu viễn thám chế độ …, phân cực…, góc quét…..thu nhận được (cảnh ảnh/km2):

- Dữ liệu viễn thám chế độ …, phân cực…, góc quét…..thu nhận được (cảnh ảnh/km2):

….

- Sơ đồ dải quét (định dạng pdf, vector):

**PHẦN II. TRẠM ĐIỀU KHIỂN VỆ TINH VIỄN THÁM**

**2.1. Tổng quan hoạt động trạm điều khiển vệ tinh**

- Tên trạm điều khiển: [Tên trạm]

- Vị trí đặt trạm điều khiển: [Tọa độ hoặc địa chỉ]

- Vệ tinh điều khiển: [Tên vệ tinh]

- Kỳ báo cáo:

- Đơn vị thực hiện:

**2.2. Vận hành thiết bị trạm điều khiển**

**- Trạm mặt đất:**

+ Hiện trạng: [hiện trạng trạm theo thực tế]

+ Sửa chữa/Bảo trì định kỳ:

*(1) Sửa chữa: ghi rõ sự cố gặp phải, ngày thực hiện sửa chữa, thời gian gián đoạn*

*(2) Bảo trì định kỳ: ghi rõ ngày thực hiện, nội dung thực hiện, thời gian gián đoạn*

**- Hệ thống vận hành vệ tinh:**

+ Hiện trạng: [hiện trạng hệ thống theo thực tế]

+ Sửa chữa/Bảo trì định kỳ:

*(1) Sửa chữa: ghi rõ sự cố gặp phải, ngày thực hiện sửa chữa, thời gian gián đoạn*

*(2) Bảo trì định kỳ: ghi rõ ngày thực hiện, nội dung thực hiện, thời gian gián đoạn*

***- Các vấn đề tồn tại (nếu có):***

*(Dùng để ghi những vấn đề chưa có mục báo cáo bên trên hoặc cần phải theo dõi)*

**2.3. Hoạt động điều khiển vệ tinh**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên vệ tinh**  | **Số lượng ca làm việc** | **Ghi chú** |
| Đo xa/điều khiển | Hiệu chuẩn | Thay đổi quỹ đạo |  |
| **1** |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |
| **..** |  |  |  |  |  |

*\*Ghi chú: dành để ghi vấn đề cần lưu ý trong điều khiển vệ tinh*

**PHẦN III. ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ**

**3.1. Thuận lợi:**

**3.2. Khó khăn:**

**3.3. Kiến nghị:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:**** ….
* ...
 | **THỦ TRƯỞNG**(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) |

**Mẫu số 03. Nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC**Số: / | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***........, ngày…..…tháng..……năm…….*  |

Kính gửi: Cục Viễn thám quốc gia

Tên cơ quan, tổ chức:…….........................................................................................

Địa chỉ:………………………………………………………………………………

Tên người đại diện liên hệ:………………………..… Số điện thoại:……..………. Email:….……………..…………

Thông tin về dữ liệu viễn thám cần cung cấp năm……:……… tại phụ lục kèm theo Công văn này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- - Lưu:. | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Đơn vị thông báo đăng ký nhu cầu)**(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 04. Báo cáo *c*ông bố siêu dữ liệu viễn thám (hằng năm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
|  Số: | *…………, ngày … tháng … năm ……* |

**BÁO CÁO CÔNG BỐ SIÊU DỮ LIỆU VIỄN THÁM QUỐC GIA**

**Năm 20..**

**Mở đầu**

**I. Tổng quan về tình hình thu nhận dữ liệu viễn thám**

1. Dữ liệu viễn thám thu nhận tại các trạm thu dữ liệu viễn thám (kèm sơ đồ)

- Tên trạm thu dữ liệu viễn thám;

- Tên vệ tinh viễn thám;

- Đặc tính kỹ thuật của dữ liệu viễn thám;

- Thống kê số lượng dữ liệu viễn thám;

- Phí khai thác và giá dịch vụ cung cấp dữ liệu, sản phẩm viễn thám;

- Sơ đồ.

2. Dữ liệu viễn thám thu nhận thông qua hình thức mua, trao đổi (kèm sơ đồ)

 - Cơ quan sở hữu dữ liệu viễn thám;

 - Đặc tính kỹ thuật của dữ liệu viễn thám;

 - Thống kê số lượng dữ liệu viễn thám;

- Phí khai thác và giá dịch vụ cung cấp dữ liệu, sản phẩm viễn thám;

- Sơ đồ.

3. Sản phẩm viễn thám (kèm sơ đồ)

 - Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm;

- Thống kê số lượng sản phẩm viễn thám;

- Phí khai thác và giá dịch vụ cung cấp dữ liệu, sản phẩm viễn thám;

- Sơ đồ.

4. Số lượng cơ quan, tổ chức giao nộp siêu dữ liệu viễn thám

**II. Hướng dẫn về tìm kiếm siêu dữ liệu viễn thám**

**III. Tình hình khai thác sử dụng dữ liệu viễn thám**

**Kết luận và Kiến nghị**

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:**** ….
* ...
 | **THỦ TRƯỞNG**(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) |

**Mẫu số 05. Công bố siêu dữ liệu viễn thám (hằng tháng)**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
|  Số: | *………, ngày … tháng … năm …* |

**CÔNG BỐ SIÊU DỮ LIỆU VIỄN THÁM**

**THÁNG ... NĂM 20..**

1. Tên trạm thu dữ liệu viễn thám.

2. Tên vệ tinh viễn thám.

3. Đặc tính kỹ thuật của dữ liệu viễn thám.

4. Thống kê số lượng dữ liệu viễn thám.

5. Phí khai thác và giá dịch vụ cung cấp dữ liệu, sản phẩm viễn thám.

6. Sơ đồ.

7. Hướng dẫn về tìm kiếm, khai thác dữ liệu viễn thám.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:**** ….
* ...
 | **THỦ TRƯỞNG**(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) |

Mẫu số 06. Công bố siêu dữ liệu viễn thám thường xuyên

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
|  Số: | *…………, ngày … tháng … năm ……* |

**CÔNG BỐ SIÊU DỮ LIỆU VIỄN THÁM THƯỜNG XUYÊN**

 1. Cơ quan sở hữu dữ liệu, sản phẩm viễn thám.

 1.1. Đặc tính kỹ thuật của dữ liệu, sản phẩm viễn thám.

 1.2. Thống kê số lượng dữ liệu, sản phẩm viễn thám.

1.3. Phí khai thác và giá dịch vụ cung cấp dữ liệu, sản phẩm viễn thám.

1.4. Sơ đồ.

1.5. Hướng dẫn về tìm kiếm, khai thác sử dụng dữ liệu viễn thám.

2. Cơ quan sở hữu dữ liệu, sản phẩm viễn thám.

...

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:**** ….
* ...
 | **THỦ TRƯỞNG**(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) |

**Mẫu số 07. Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu sản phẩm viễn thám**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC** Số:  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***......., ngày …… tháng…… năm ……* |

Kính gửi: …………………………….

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân:................................................................................

Địa chỉ (nếu có):……………………………….…………………………….........

Số điện thoại:…………………….….…..Email:………………………….………

Thông tin, dữ liệu viễn thám cần cung cấp:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại dữ liệu, sản phẩm viễn thám** | **Mức độ xử lý (nếu có)** | **Độ phân giải không gian (nếu có)** | **Số kênh phổ/độ phân giải bức xạ (nếu có)** | **Thời gian chụp** | **Khu vực yêu cầu\*** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu viễn thám (nếu có):..…..……………………

…………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………….

Sơ đồ khu vực yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu viễn thám: *(gửi kèm theo phiếu yêu cầu).*

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* | **NGƯỜI YÊU CẦU***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**\*** Khu vực yêu cầu có thể là: đơn vị hành chính, sơ đồ (dưới dạng véc-tơ), tọa độ.

**PHỤ LỤC: NHU CẦU SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU, SẢN PHẨM VIỄN THÁM NĂM ….**

*(Kèm theo Công văn số … /… ngày … tháng … năm … của ….)*

| **Loại dữ liệu viễn thám1** | **Khu vực yêu cầu2***(shapefile nếu có)* | **Thời gian** **thu nhận3** | **Tên chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn, QĐ phê duyệt***(nếu có)* | **Số lượng4***(theo mảnh- nếu có)* | **Mức độ xử lý5***(nếu có)* | **Độ phân giải6***(nếu có)* |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| VNREDSat-17*(Dữ liệu chụp mới)* |  |  |  |  |  |  |
| SPOT68 *(Dữ liệu chụp mới)* |  |  |  |  |  |  |
| SPOT59*(chỉ cập nhật từ năm 2008 đến tháng 8 năm 2013)* |  |  |  |  |  |  |
| SPOT210 (chỉ cập nhật đến năm 2010) |  |  |  |  |  |  |
| SPOT411 (chỉ cập nhật đến năm 2012) |  |  |  |  |  |  |
| KOMPSAT-3A12*(Dữ liệu chụp mới)* |  |  |  |  |  |  |
| COSMO Skymed 13*(Dữ liệu chụp mới)* |  |  |  |  |  |  |
| Dữ liệu ảnh khác theo nhu cầu (ghi rõ) |  |  |  |  |  |  |

Nguồn kinh phí dự kiến (nếu có)………………………………………………

Sơ đồ hoặc tọa độ khu vực yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu viễn thám:

**Ghi chú:**

1 Loại dữ liệu viễn thám: Trong bảng đã liệt kê những loại dữ liệu viễn thám hiện có trong cơ sở dữ liệu tại Cục Viễn thám quốc gia. Đối với những loại dữ liệu viễn thám khác đề nghị ghi rõ tên.

2 Khu vực yêu cầu là khu vực yêu cầu đặt dữ liệu, có thể mô tả theo các cách sau:

Theo tọa độ 4 góc hình tứ giác phủ trùm khu vực yêu cầu;

Theo địa giới hành chính.

3 Thời gian chụp ảnh: Là thời gian mà dữ liệu viễn thám ghi nhận thông tin. VD: 23/12/2013.

4 Số lượng: Số lượng cảnh ảnh phủ trùm khu vực yêu cầu dữ liệu viễn thám.

5 Mức độ xử lý gồm 3 mức, đề nghị ghi rõ 1 trong 3 mức xử lý này:

- Mức 1A: Là dữ liệu ảnh thô, được xử lý sơ bộ nhằm loại bỏ sai số trong của đầu thu và tín hiệu nhiễu do ảnh hưởng của khí quyển.

Mức 2A: Là dữ liệu ảnh đã được xử lý sơ bộ về phổ và hình học, chưa loại bỏ ảnh hưởng do chênh cao địa hình.

Mức 3: Là dữ liệu ảnh đã được hiệu chỉnh phổ và hình học bằng điểm khống chế mặt đất, đưa về hệ tọa độ bản đồ. Còn gọi là bình đồ ảnh hoặc ảnh trực giao, có độ chính xác tương đương với bản đồ địa hình. Đối với mức xử lý này đề nghị ghi rõ độ chính xác tương đương với bản đồ địa hình. VD: tỷ lệ 1/25.000.

6 Độ phân giải: Là độ phân giải mặt đất của dữ liệu viễn thám theo đơn vị mét. VD: Dữ liệu viễn thám SPOT5 đa phổ có độ phân giải là 10m.

7VNREDSat-1: Ảnh VNREDSat-1 với 01 kênh toàn sắc độ phân giải đến 2.5m và 4 kênh đa phổ với độ phân giải đến 10m, thường được sử dụng để lập và cập nhật bản đồ sử dụng đất, bản đồ nông nghiệp và bản đồ rừng ở các tỷ lệ lớn...Dữ liệu ảnh VNREDSat-1 được cập nhật từ tháng 8 năm 2013.

8 SPOT6: Ảnh SPOT6 với 01 kênh toàn sắc độ phân giải đến 1.5m và 4 kênh đa phổ với độ phân giải đến 6m, thường được sử dụng cập nhật cơ sở dữ liệu nên địa lý tỷ lệ 1/10.000; để lập và cập nhật bản đồ sử dụng đất, bản đồ nông nghiệp và bản đồ rừng ở các tỷ lệ lớn.

9 SPOT5: Ảnh SPOT5 với 01 kênh toàn sắc độ phân giải đến 2.5m và 4 kênh đa phổ với độ phân giải đến 10m, thường được sử dụng để lập và cập nhật bản đồ sử dụng đất, bản đồ nông nghiệp và bản đồ rừng ở các tỷ lệ lớn. Đến nay vệ tinh SPOT5 không còn hoạt động vì vậy dữ liệu ảnh SPOT5 chỉ cập nhật từ năm 2008 đến tháng 8 năm 2013.

10 SPOT2: Ảnh SPOT2 với 01 kênh toàn sắc độ phân giải 10m và 4 kênh đa phổ với độ phân giải 20m Đến nay vệ tinh SPOT2 không còn hoạt động vì vậy dữ liệu ảnh SPOT2 chỉ cập nhật đến năm 2010.

11SPOT4: Ảnh SPOT4 với 01 kênh toàn sắc độ phân giải 10m và 4 kênh đa phổ với độ phân giải 20m. Đến nay vệ tinh SPOT4 không còn hoạt động vì vậy dữ liệu ảnh SPOT4 chỉ cập nhật đến năm 2012.

12 KOMPSAT-3A: Ảnh KOMPSAT-3A gồm 1 kênh ảnh toàn sắc độ phân giải 0.55 m và 4 kênh ảnh đa phổ độ phân giải 2.2 m

13 COSMO Skymed: Ảnh Radar COSMO Skymed với bước sóng ở băng X, có 5 loại chế độ chụp khác nhau (Spotlight độ phân giải 1m, Stripmap độ phân giải từ 3-15m, StripmapPingPong độ phân giải 15m, ScanSar Wide Region độ phân giải 30m, ScanSar Region độ phân giải 30m.

Về mức thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia, quý cơ quan tham khảo Thông tư Thông tư 39/2023/TT-BTC ngày 9/6/2023 đã được đăng tải trên trang web của Cục Viễn thám quốc gia: <http://www.nrsd.gov.vn>

**Mẫu số 08. Báo cáo quan trắc, giám sát bằng viễn thám**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
|  Số: | *…………, ngày … tháng … năm ……* |

**BÁO CÁO QUAN TRẮC, GIÁM SÁT ………**

 **BẰNG VIỄN THÁM**

**DANH MỤC HÌNH VẼ**

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

**LỜI MỞ ĐẦU**

**Phần 1. CĂN CỨ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Căn cứ pháp lý**

**2. Mục đích**

**3. Yêu cầu**

**Phần 2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC/GIÁM SÁT**

**1. Quan trắc/Giám sát ….** *(nội dung quan trắc/giám sát số 01)*

1.1. Phạm vi

1.2. Dữ liệu sử dụng

1.3. Phương pháp/kỹ thuật sử dụng

1.4. Kết quả quan trắc/giám sát

1.5. Đánh giá

**2. Quan trắc/Giám sát ….** *(nội dung quan trắc/giám sát số 02)*

2.1. Phạm vi

2.2. Dữ liệu sử dụng

2.3. Kết quả

2.4. Đánh giá

**3. Quan trắc/Giám sát ….** *(nội dung quan trắc/giám sát số 03)*

3.1. Phạm vi

3.2. Dữ liệu sử dụng

3.3. Kết quả

3.4. Đánh giá

………….

**Phần 3. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC/ GIÁM SÁT**

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:**** ….
* ...
 | **THỦ TRƯỞNG***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 09. Báo cáo về hoạt động viễn thám**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC**Số....../BC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***........, ngày tháng năm 20...* |

**BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG VIỄN THÁM**

**(Năm 20.. )**

- Căn cứ Nghị định số …../20…/NĐ-CP ngày ….tháng … năm 20… của Chính phủ về hoạt động viễn thám;

Đơn vị xin báo cáo về hoạt động viễn thám năm …. như sau:

I. Công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động viễn thám

- Thống kê văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành

- Về tính kịp thời, thống nhất với hệ thống pháp luật

- Về hiệu quả, khả thi của văn bản quy phạm pháp luật

**II. Hoạt động của vệ tinh viễn thám thuộc phạm vi quản lý** (nếu có)

- Tên vệ tinh: [Tên vệ tinh viễn thám đang vận hành]

- Tình trạng hoạt động của vệ tinh viễn thám

- Tổng dung lượng dữ liệu thu nhận được: [GB/TB]

**III. Hoạt động của trạm thu nhận và trạm điều khiển vệ tinh viễn thám thuộc phạm vi quản lý** (nếu có)

**3.1. Trạm thu dữ liệu viễn thám**

- Tên trạm thu: [Tên trạm]

- Tình trạng hoạt động của trạm thu dữ liệu viễn thám

**3.2. Trạm điều khiển vệ tinh**

- Tên trạm điều khiển: [Tên trạm]

- Tình trạng hoạt động của trạm thu điều khiển vệ tinh

**IV. Vận hành cơ sở dữ liệu viễn thám**

 - Tổng số lượng dữ liệu;

 - Tình trạng vận hành.

 - Công tác giao nộp thông tin, dữ liệu viễn thám, sản phẩm viễn thám của các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám do các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện;

 - Công tác xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

 **V. Kết quả thu nhận dữ liệu viễn thám** (nếu có)

**5.1. Mua của nước ngoài**

- Loại dữ liệu;

- Số lượng;

- Mức xử lý;

**-** Hiện trạng giao nộp theo quy định.

**5.2. Thu nhận do trao đổi với nước ngoài**

- Loại dữ liệu;

- Số lượng;

- Mức xử lý;

**-** Hiện trạng giao nộp theo quy định.

**5.3. Thu nhận tại trạm thu thuộc phạm vi quản lý**

- Loại dữ liệu;

- Số lượng;

- Mức xử lý;

**-** Hiện trạng giao nộp theo quy định.

**VI. Kết quả cung cấp dữ liệu, sản phẩm viễn thám**

 - Loại dữ liệu, sản phẩm viễn thám đã cung cấp;

 - Số lượng dữ liệu, sản phẩm viễn thám đã cung cấp;

 - Thống kê danh sách các đơn vị đã được cung cấp dữ liệu, sản phẩm viễn thám;

 - Công tác quản lý chất lượng thông tin, dữ liệu viễn thám, sản phẩm viễn thám thuộc phạm vi quản lý;

 - Đánh giá tình trạng cung cấp dữ liệu, sản phẩm viễn thám.

**VII. Hoạt động ứng dụng viễn thám**

 - Công tác tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn sử dụng dữ liệu viễn thám trong phạm vi quản lý;

 - Tình hình công bố siêu dữ liệu viễn thám;

 - Thống kê các tổ chức được cấp phép hoạt động xử lý dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý;

 - Đánh giá tiềm năng ứng dụng viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

**VIII. Công tác quan trắc, giám sát bằng viễn thám**

- Kết quả thực hiện quan trắc, giám sát bằng viễn thám.

**IX. ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ**

**9.1. Thuận lợi:**

**9.2. Khó khăn:**

**9.3. Kiến nghị:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:**** ….
* ...
 | **THỦ TRƯỞNG**(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) |